

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2022

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Ông Nhâm Đức Hùng

- Th□ ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Kim T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 3, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn C, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 3, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2022 của nguyên đơn Võ Kim T, bản tự khai của các đương sự, nội dung các phiên hòa giải vào ngày 10/5/2022, 19/5/2022, 13/6/2022, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

*** Chị Võ Kim T trình bày:**

Tôi và anh Dương Văn C tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2005, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện C, tỉnh K vào năm 2012; đã đ- ợc UBND xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 123/2012, quyền số 01/2012.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có con 02 người chung là cháu Dương Kim V, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Dương Kim T, sinh ngày 14/02/2012 đang do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng thì giữa tôi và anh Dương Văn C hạnh phúc, nhưng sau này thì anh C lại có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh C tự ý vay nợ xã hội đen để chi xài riêng, tôi phải gánh nợ giúp anh C, tôi khuyên anh C nhiều lần nhưng anh C không nghe nên chúng tôi ly thân từ ngày 20/3/2020 âm lịch cho đến nay. Nay giữa chúng tôi không còn tình cảm gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, tôi yêu cầu:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn C.

- Về con chung: Tôi đồng ý cho anh Dương Văn C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Kim V, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Dương Kim T, sinh ngày 14/02/2012; tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Anh Dương Văn C trình bày:

Chị Võ Kim T trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung, thời gian ly thân và nợ chung là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng là do chị T gây nợ riêng rồi bỏ nhà đi theo người đàn ông khác, bỏ tôi một mình nuôi 02 con cho đến nay.

Tôi làm nghề thu mua ve chai, thu nhập trung bình khoảng 06-07 triệu đồng/tháng.

Ý kiến của tôi như sau:

- Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với chị Võ Kim T vì chị T không trả cho tôi số tiền 20.000.000 đồng mà trước đây tôi đã đưa cho chị T để chị Tuyền trả nợ riêng của chị T nhưng chị T lại lấy tiền của tôi rồi bỏ nhà đi cho đến nay; khi nào chị T trả cho tôi số tiền này thì tôi mới đồng ý ly hôn với chị T. Tôi thừa nhận hiện nay giữa tôi và chị T không còn tình cảm gì nữa, nhưng tôi không đồng ý ly hôn với chị T vì tôi tức việc chị T không trả cho tôi số tiền nêu trên.

Nếu Tòa án xử cho tôi và chị T ly hôn thì tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai người con, tôi không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Tại phiên tòa, **chị** Võ Kim T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Võ Kim T;

cho ly hôn ly hôn giữa chị Võ Kim T và anh Dương Văn C; cho anh Dương Văn C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Kim V, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Dương Kim T, sinh ngày 14/02/2012 cho đến khi cháu Dương Kim V, cháu Dương Kim T tròn 18 tuổi; không xem xét về cấp dưỡng nuôi con do anh Dương Văn C không yêu cầu; không xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa chị Võ Kim T và anh Dương Văn C do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2005, chị Võ Kim T và anh Dương Văn C thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 15/4/2022, chị Võ Kim T có đơn khởi kiện yêu cầu đ-ợc ly hôn với anh Dương Văn C, yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị Võ Kim T và anh Dương Văn C; anh Dương Văn C có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Dương Văn C không nộp cho Tòa án đơn yêu cầu phản tố. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt anh Dương Văn C tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/6/2022 cho anh Dương Văn C theo quy định của pháp luật, anh Dương Văn C có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 41), đ-ợc sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Võ Kim T, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Dương Văn C theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Kim T:

2.1. Về hôn nhân: Chị Võ Kim T và anh Dương Văn C tự nguyện đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ c-ới vào năm 2005 nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện C, tỉnh K vào năm 2012 và đã đ-ợc UBND xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 123/2012, quyển số 01/2012 nên theo quy định tại **các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014**, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Kim T và anh Dương Văn C là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Võ Kim T yêu cầu đ-ợc ly hôn với anh Dương Văn C.

Xét rằng: Tuy tại các phiên hòa giải tại Tòa án, anh Dương Văn C không đồng ý ly hôn với chị Võ Kim T nhưng với lý do là chị T không trả cho anh C số tiền 20.000.000 đồng mà trước đây anh C đã đưa cho chị T để chị T trả nợ riêng của chị T nhưng chị T lại lấy tiền của anh C rồi bỏ nhà đi cho đến nay. Đây là lý do không thể chấp nhận được. Vì quan hệ hôn nhân và quan hệ nợ nần giữa anh C và chị T là hai mối quan hệ độc lập, không thể dùng mối quan hệ này để ràng buộc mối quan hệ kia. Hơn nữa, anh C không nộp cho Tòa án đơn yêu cầu phản tố để yêu cầu chị T hoàn trả cho anh C số tiền này mặc dù Tòa án đã giải thích và cho anh C thời gian theo quy định của pháp luật để anh C nộp đơn phản tố. Bên cạnh đó, anh C đã tự nguyện thừa nhận là hiện nay giữa anh C và chị T không còn tình cảm gì nữa, cả hai đã ly thân từ ngày 20/3/2020 âm lịch cho đến nay. Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Võ Kim T và anh Dương Văn C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 85, 89, 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án cho ly hôn giữa chị Võ Kim T và anh Dương Văn C.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Võ Kim T và anh Dương Văn C xác định là anh, chị có 02 người con chung là cháu Dương Kim V, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Dương Kim T, sinh ngày 14/02/2012.

Xét rằng:

Từ khi chị Võ Kim T và anh Dương Văn C ly thân đến nay thì cả hai cháu Dương Kim V, Dương Kim T được anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Qua xem xét nguyện vọng của các cháu vào ngày 12/5/2022 (BL 31, 32), ý kiến của anh C và chị T về việc nuôi dưỡng con chung, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu và để ổn định tình cảm, tâm lý cho các cháu, Tòa án cho anh Dương Văn C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Kim V và cháu Dương Kim T cho đến khi cháu Dương Kim V, cháu Dương Kim T tròn 18 tuổi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Dương Văn C không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Ng-ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng-ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr-ờng hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của ng-ời con, các đ-ơng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d-ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Võ Kim T và anh Dương Văn C không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

2.5. Về yêu cầu của anh Dương Văn C về việc yêu cầu chị Võ Kim T phải hoàn trả cho anh C số tiền 20.000.000 đồng mà trước đây anh C đã đưa cho chị T để chị T trả nợ riêng của chị T: Anh Dương Văn C không nộp đơn yêu cầu phản tố

nên Tòa án không xem xét trong vụ án này; nếu có tranh chấp về sau thì anh Dương Văn C có thể khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Võ Kim T.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Chị Võ Kim T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Võ Kim T phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Võ Kim T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009305, ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Võ Kim T không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Dương Văn C không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, 89, 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

- 1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Kim T và anh Dương Văn C.
- 2- Về con chung: Cho anh Dương Văn C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Kim V, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Dương Kim T, sinh ngày 14/02/2012 cho đến khi cháu Dương Kim V, cháu Dương Kim T tròn 18 tuổi; chị Võ Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai đ-ợc quyền cản trở.
- 3- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Dương Văn C không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.
- 4- Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Võ Kim T và anh Dương Văn C không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

Chị Võ Kim T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Võ Kim T phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Võ Kim T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009305, ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Võ Kim T không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Dương Văn C không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Chị Võ Kim T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (05/7/2022); anh Dương Văn C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpll);
- UBND xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, KG (khi án có hpll);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu H- ơng